

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - C phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST

Ngày: 30-5-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Nho Trí - Bí thư Thành đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh thành phố R.

Bà Phan Thị Hồng - Giáo viên đã nghỉ hưu tại phường L, thành phố R.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R - tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Khải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2019/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Phạm Ngọc C (Tên gọi khác: Zúi), sinh ngày: 16/7/1994, tại R, Khánh Hòa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố T, phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Văn hóa: 12/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Phạm H, sinh năm 1960. Mẹ: Nguyễn Thị I, sinh năm 1960. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 06/01/2019. (Có mặt).

2. Nguyễn Duy Quốc T, sinh ngày: 27/6/2002, tại R, Khánh Hòa. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố N, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Nơi cư trú: Không có nơi cư trú rõ ràng. Nghề nghiệp: Không. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Thiên chúa. Văn hóa: 9/12. Quốc tịch: Việt Nam. Cha: Nguyễn Hồng U, sinh năm 1965. Mẹ: Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965. Vợ, con: Chưa. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt từ ngày 06/01/2019. (Có mặt).

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Duy Quốc T:* Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1965 (mẹ ruột); Nơi cư trú: Tổ dân phố Ngô Mây, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

** Người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Duy Quốc T:* Đàm Thị Thu L- Trợ giúp viên pháp lý của N tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* *Người bị hại:* Nguyễn Thị U, sinh năm: 1969; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố HD, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố LT, phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Bà U ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Huỳnh Quang V, sinh năm: 1969; Hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố HD, phường B, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Nguyễn Ngọc R, sinh năm: 1971; Nơi cư trú: Tổ dân phố O, phường L, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/12/2018, Phạm Ngọc C rủ Nguyễn Duy Quốc T (sinh ngày 27/6/2002) đi cướp tài sản; T đồng ý. Sau đó, cả hai đến chợ Cư Xá thuộc phường L, thành phố R mua 01 con dao Thái Lan để thực hiện việc cướp tài sản.

Đến khoảng 10 giờ ngày 31/12/2018, C gặp Đỗ Quốc N (sinh ngày 05/7/2004) tại khu vực Nhà thiếu nhi R nên C nói N đi tìm Phan Đình Phúc H (sinh ngày 12/3/2003), Nguyễn Trọng P (sinh ngày 26/02/2005) đến gặp C. Khi N đến quán game Sport thuộc đường Nguyễn Thái Học, phường L, thành phố R, thì gặp H và P. Lúc này, Nguyễn Đông Anh M (sinh ngày 04/7/2003) đang ở đó nên đi cùng cả nhóm đến gặp C và T. C thấy M nên nói M đi về quán net chơi và nói P lấy xe đạp điện chở M về quán net chơi. Sau đó, P quay lại gặp C, T, H, N. Tại đây C rủ cả nhóm đi cướp tài sản của một người phụ nữ nhà sau trường N học cơ sở HP thuộc phường L, thành phố R. H và Phước không đồng ý nên bỏ đi. Sau đó, C, T và N đi đến phía trước nhà bà Nguyễn Thị U ở đường Nguyễn Thị Định thuộc tổ dân phố LT, phường L, thành phố R. Tại đây, C nói T và N vào nhà bà U cướp tài sản còn C đứng ngoài canh giới. T đồng ý. N không đồng ý cướp tài sản nhà bà U nên bỏ đi.

Đến khoảng 12 giờ 45 phút ngày 31/12/2018, C và T cầm theo 01 con dao Thái Lan và 01 cuộn băng keo đến nhà bà U, thấy bà U đang ủi quần áo, cửa nhà mở, cửa cổng khóa. C và T trèo hàng rào vào trong nhà. C dùng tay trái bịt miệng bà U, tay phải cầm dao nói “bà im không tui đâm bà chết”. Trong lúc giằng co, bà U giật sợi dây chuyền vàng 18K đeo trên cổ giấu dưới gối. T lấy băng keo để bịt miệng nhưng bà U giằng co nên không bịt được. T tiếp tục lấy dây thắt lưng treo trên vách tường buộc chân, lấy áo sơ mi trói hai tay bà U ra sau và dùng chiếc khăn bằng vải trắng nhét vào miệng bà U. C lấy sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,2 chỉ dưới gối đưa cho T giữ. T lấy 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,4 chỉ bà U đang đeo trên ngón tay. Sau đó, C và T trèo hàng rào bỏ đi.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút ngày 31/12/2018, C và T đưa số vàng lấy được đến tiệm Kim Khoa II trên đường 22/8 thuộc tổ dân phố U, phường A, thành phố R bán cho ông Nguyễn Ngọc R được 7.860.000 đồng. Sau đó, C và T bỏ đi khỏi địa phương tiêu xài hết số tiền trên.

Đến 17 giờ ngày 06/01/2019, C và T đến đầu thú về hành vi phạm tội của mình tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 10 ngày 22/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R kết luận: 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,2 chỉ, trị giá 4.950.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng 18K, trọng lượng 1,4 chỉ, trị giá 3.150.000 đồng. Tổng trị giá là 8.100.000 đồng.

Đối với Phan Đình Phúc H, Nguyễn Trọng Pc, Đỗ Quốc N biết C và T chuẩn bị thực hiện hành vi cướp tài sản nhưng không tố giác. Tuy nhiên Thịnh, Phước, N chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về tội “Không tố giác tội phạm” theo quy định tại Điều 390 Bộ luật Hình sự nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Đồng Anh M không biết C, T đi cướp tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Ngọc R có hành vi mua sợi dây chuyền vàng và nhẫn vàng do C, T bán nhưng Trí không biết tài sản do phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Tại bản cáo trạng số 25/CT-VKSCR-HS ngày 12/4/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố R đã truy tố các bị cáo C, T về tội: “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo C, T về điều khoản như trên của bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo C; điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo T; xử phạt bị cáo C từ 07-08 năm tù, xử phạt bị cáo T từ 05 năm 03 tháng- 05 năm 06 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại U đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét. Về vật chứng vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cuộn băng keo màu vàng có đường kính 11 cm; 01 (một) con dao thái lan cán nhựa màu vàng hiệu Kiwi; 04 (bốn) đoạn băng keo có kích thước 62 cm, 61 cm, 45 cm, 33 cm; 01 (một) khăn màu trắng, có viền màu vàng, kích thước (22x30) cm. Trả lại cho bị cáo C 01 (một) đôi dép màu xanh - đen, hiệu ustrabie Fashc MXD.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo T: Cơ bản nhất trí với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R. Tuy nhiên, bản thân bị cáo T chưa thành niên nên trình độ nhận thức có phần hạn chế, bị người khác rủ rê phạm tội, bị cáo có tác động gia đình bồi thường cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện đầu thú. Vì vậy, đề nghị Tòa án áp dụng điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 91, 101 Bộ luật hình sự năm 2015, xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo T.

Ý kiến của bị cáo T và đại diện hợp pháp cho bị cáo T: Thống nhất ý kiến bào chữa của người bào chữa, đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo để bị cáo an tâm cải tạo, trở thành người có ích cho xã hội.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo ăn năn hối hận vì đã gây ra hành vi vi phạm pháp luật nên đề nghị Tòa án giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã T thủ và thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, đại diện hợp pháp cho bị cáo chưa thành niên, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong hồ sơ và tại phiên tòa, các bị cáo Phạm Ngọc C, Nguyễn Duy Quốc T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Chỉ vì cần tiền tiêu xài cá nhân, vào khoảng 12 giờ 45 phút ngày 31/12/2018 tại nhà bà Nguyễn Thị U thuộc tổ dân phố LT, phường L thành phố R; C, T đã có hành vi dùng dao không chế, dùng dây thắt lưng, áo sơ mi trói tay chân bà U làm bà U lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,2 chỉ và 01 nhẫn vàng 18K, trọng lượng 1,4 chỉ, tổng giá trị tài sản 8.100.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo C, T có đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, phạm tội trong trường hợp “Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác”. Do đó, cáo trạng số 25/CT-VKSCR-HS ngày 12/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R truy tố các bị cáo C, T về điều khoản như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi của các bị cáo C, T là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến nhân thân và tài sản của người khác là hai trong những khách thể quan trọng được Luật hình bảo vệ, gây mất an ninh trật tự an toàn xã hội, gây bức xúc trong cộng đồng dân cư. Do đó, cần phải xử lý các bị cáo thật nghiêm khắc để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Xét tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo: Bị cáo C là người rủ rê bị cáo T là người chưa thành niên thực hiện hành vi phạm tội và là người trực tiếp thực hành tội phạm tích cực; bị cáo T là cũng người thực hiện tội phạm tích cực. Do đó, mức hình phạt của bị cáo C phải cao hơn bị cáo T và bị cáo C bị áp dụng tình tiết tăng nặng “Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội” quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự 2015.

Tuy nhiên, trong hồ sơ và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; các bị cáo tự nguyện đầu thú và được người bị hại xin giảm nhẹ

hình phạt; tại thời điểm phạm tội bị cáo T là người chưa thành niên nên nhận thức có phần hạn chế. Vì vậy, cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, xử dưới khung hình phạt đối với bị cáo T, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo trở thành người công dân tốt cho gia đình và xã hội.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại U đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về vật chứng vụ án:

- 01 (một) cuộn băng keo màu vàng có đường kính 11 cm; 01 (một) con dao thái lan cán nhựa màu vàng hiệu Kiwi; 04 (bốn) đoạn băng keo có kích thước 62 cm, 61 cm, 45 cm, 33 cm; 01 (một) khăn màu trắng, có viền màu vàng, kích thước (22x30) cm là công cụ phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

- 01 (một) đôi dép màu xanh - đen, hiệu ustrabie Fashc MXD là tài sản của bị cáo C nên Hội đồng xét xử trả lại cho bị cáo C.

[5] Về án phí:

Bị cáo C, T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 2, 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với 02 bị cáo Phạm Ngọc C, Nguyễn Duy Quốc T.

Áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Phạm Ngọc C.

Áp dụng thêm Điều 54, Điều 91, 101 Bộ luật Hình sự năm 2015 đối với bị cáo Nguyễn Duy Quốc T.

1. Xử phạt:

Bị cáo Phạm Ngọc C 07 (bảy) năm tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn phạt tù tính từ ngày 06/01/2019.

Bị cáo Nguyễn Duy Quốc T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp tài sản”, thời hạn phạt tù tính từ ngày 06/01/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Thị U đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu bồi thường thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

3. Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) cuộn băng keo màu vàng có đường kính 11 cm; 01 (một) con dao thái lan cán nhựa màu vàng hiệu Kiwi; 04 (bốn) đoạn

băng keo có kích thước 62 cm, 61 cm, 45 cm, 33 cm; 01 (một) khăn màu trắng, có viền màu vàng, kích thước (22x30) cm.

- Trả lại cho bị cáo Phạm Ngọc C 01 (một) đôi dép màu xanh - đen, hiệu ustrabie Fashc MXD.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 19/4/2019 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố R và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố R)

4. Về án phí:

Bị cáo Phạm Ngọc C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Duy Quốc T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo Phạm Ngọc C, Nguyễn Duy Quốc T, đại diện hợp pháp cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Duy Quốc T bà Nguyễn Thị Đ, người bào chữa cho bị cáo chưa thành niên Nguyễn Duy Quốc T bà Đàm Thị Thu L, người bị hại Nguyễn Thị U, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc R có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- Công an t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công